

## PHỤ LỤC SỐ 04

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG Năm 2016

#### I. Thông tin chung:

##### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400568767
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Số điện thoại: (0236) 3889950 - (0236) 3889954
- Số fax: (0236) 3889957
- Website: Iseebooks.vn
- Mã cổ phiếu : DAD

##### *Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đà Nẵng ra đời trên cơ sở thành lập mới, với cổ đông sáng lập chính là Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam và các cổ đông góp vốn khác, bao gồm tất cả cán bộ công nhân viên của NXBGD tại TP Đà Nẵng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 28 tháng 08 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0400568767

##### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
  - Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
  - Sản xuất : thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và

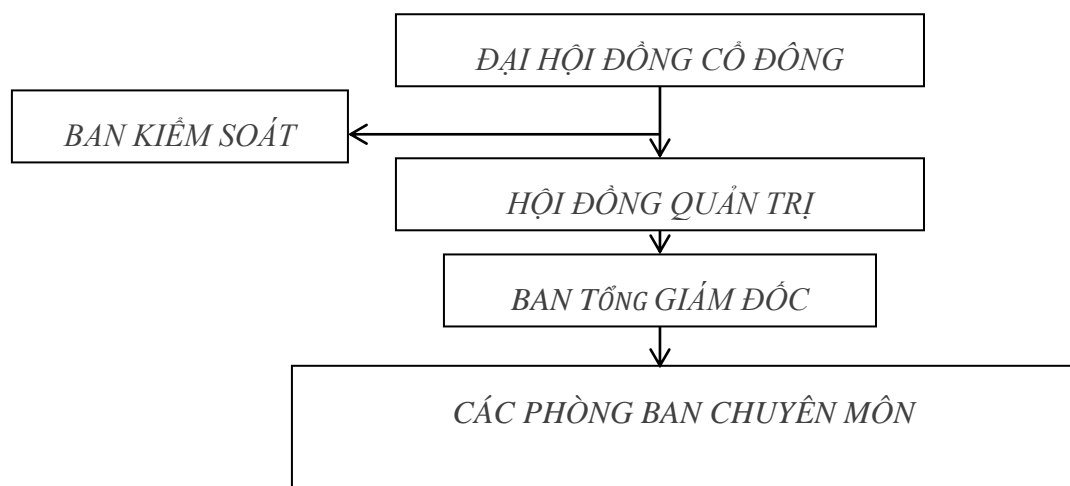
lịch các loại;

- Kinh doanh dịch vụ địa ốc; kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc.
- Xây dựng nhà các loại : Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Dạy nghề : Đào tạo nghề : tin học, ngoại ngữ.
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.

- Địa bàn kinh doanh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, KomTum.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Hội đồng quản trị có năm thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2012->2017. Trong năm thành viên của Hội đồng quản trị, có ba thành viên không kiêm nhiệm là Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc NXBGD tại TP Đà Nẵng, Giám Đốc Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo Dục, Tổng Giám Đốc Công ty CP Thiết bị Giáo Dục 1 và hai thành viên còn lại là cán bộ Công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc của công ty.

+ Ban kiểm soát gồm ba thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2012->2017. Trong 3 thành viên của Ban kiểm soát có một thành viên không kiêm nhiệm là Phó Phòng Kế toán NXBGD tại TP Đà Nẵng, hai thành viên là cán bộ Công ty giữ chức vụ Trưởng Phòng và Phó Phòng Sản xuất –Kho Vận.

+ Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng được HĐQT Công ty bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2012->2016. Ban Tổng Giám Đốc gồm có ba thành viên gồm : Tổng Giám Đốc và hai Phó Tổng Giám Đốc.

- Các công ty con, công ty liên kết:

Nội dung	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
<b>CÔNG TY CON</b>						
<b>CÔNG TY LIÊN KẾT</b>						
CTCP In và Dịch vụ Đà Nẵng	420 Lê Duẩn, Đà Nẵng	SX, in sách	11	2,53	20%	
CTCP Sách & TB Bình Định	219 Nguyễn Lữ, Bình Định	TM sách	11,264	2,92	25,92%	

#### 4. Định hướng phát triển

Hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng tích lũy và nâng cao năng lực sản xuất; mở rộng thị phần; đảm bảo gia tăng giá trị doanh nghiệp, lợi ích hợp pháp của cổ đông và góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỈ LỆ SO VỚI KH NĂM 2016	TỈ LỆ SO VỚI TH NĂM 2015
+ Doanh thu	Tỷ đồng	130	126,6	97,4	96,6
+ Lợi nhuận	,,	17	16,9	99,4	100
+ Cổ tức	%	17	17	100	100

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### + Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng :

1. **Họ và tên** : **Hồ Văn Linh**
  - Chức vụ : Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần ĐT&PT GD Đà Nẵng
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 01/08/1971
  - Nơi sinh : TP Đà Nẵng
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : 77/11 Thái Phiên, Q.Hải Châu, TP ĐN
  - Điện thoại liên lạc : 0236 – 3827374 - 0903503446
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 60.100 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**2. Phó Tổng Giám Đốc** : **Trần Phước Chương**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/08/1958
- Nơi sinh : TP Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 141 Phan Thanh – TP Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 0236 889951 – 0903565959
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại Học sư phạm ngành Toán
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**3. Họ và tên** : **Nguyễn Quang Dũng**

- Chức vụ : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần ĐT&PT GD Đà Nẵng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/12/1979
- Nơi sinh : Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Tổ 17, Hoà Thọ Đông, Q.Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 0988787827
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 14.800 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**4. Kế toán trưởng** : **Lê Ngọc**

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 30/05/1974
- Nơi sinh : TP Hạ Long
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 54 Trần Thanh Mại, Đà Nẵng

- Điện thoại liên lạc : 0236 889950 – 0903283156
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 18.000 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: Ngày 29/06/2016, bổ nhiệm Bà Lê Ngọc là Phó trưởng phòng Kế toán – Tài chính Công ty giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty thay cho Ông Nguyễn Quang Dũng đã được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBNV là 45 người, gồm Ban TGD và 6 Phòng ban chức năng; NXBGD VN đã có QĐ 338/QĐ-TCNS ngày 15-3-2016 v/v Bổ nhiệm TGD Công ty đến hết nhiệm kỳ; Đã xét và QĐ tiếp nhận chính thức 3 CBNV; Trình xét hết tập sự 2 CBNV; QĐ nâng lương cho 17 CBNV, chuyển ngạch: 01 CBNV; Thực hiện thành công việc chuyển đổi tiền lương theo Nghị định 49 của CP; NXBGD VN đã bổ nhiệm bổ sung 01 PTGD, KTT mới, TBKS Công ty mới và Cty EFI;

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a) Các khoản đầu tư lớn:

- Mua 934.500 cổ phần EFI, giá 9.500đ/CP, tương đương 8.877.750.000 đồng, chiếm 8,59% VDL;

- Mua cổ phần Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam: 6 tỉ đồng, chiếm 5,5% VDL

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)

đvt: tỷ đồng

Nội dung	Địa chỉ	Doanh thu năm 2016	Lợi nhuận trước thuế năm 2016
<b>CÔNG TY LIÊN KẾT</b>			
CTCP In và Dịch vụ Đà Nẵng	420 Lê Duẩn, Đà Nẵng	38,672	7,319
CTCP Sách & TB Bình Định	219 Nguyễn Lữ, Bình Định	41,955	1,407

### 4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	92,9	98,5	6,03%
Doanh thu thuần	130,4	126,0	-3,37%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	34,8	42,1	20,98%
Lợi nhuận khác	0.093	-0.008	-108,6%

Lợi nhuận trước thuế	16,92	16,97	0,30%
Lợi nhuận sau thuế	12,9	13,2	2,33%

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	3,49   1,63	2,79   1,55	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	19,12% 23,65%	20,69% 26,08%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,73  1,40	2,87  1,28	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,87% 17,13% 13,85% 26,67%	10,51% 16,95% 13,44% 33,43%	

*5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.*

a) Cổ phần:

Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết : 5,000,000 cp

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành : 4,659,200 cp

b) Cơ cấu cổ đông:

<b>CỔ ĐÔNG</b>	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>NHÀ NƯỚC</b>	<b>2.075.000</b>	<b>41,50%</b>
<b>TRONG NƯỚC, trong đó</b>	<b>1.532.000</b>	<b>30,64%</b>
<b>+ Tổ chức:</b>	<b>7.946</b>	<b>0,16%</b>
- Cổ đông lớn	0	0,00%
- Cổ đông nhỏ	7.946	0,16%
<b>+ Cá nhân:</b>	<b>1.183.254</b>	<b>23,66%</b>
- Cổ đông lớn	0	0,00%
- Cổ đông nhỏ	1.183.254	23,67%
<b>+ Cổ phiếu quỹ</b>	<b>340.800</b>	<b>6,82%</b>
<b>NGOÀI NƯỚC, trong đó</b>	<b>1.393.000</b>	<b>27,86%</b>
<b>+ Tổ chức:</b>	<b>816.700</b>	<b>16,33%</b>
- Cổ đông lớn	405.200	8,10%
- Cổ đông nhỏ	411.500	8,23%
<b>+ Cá nhân:</b>	<b>576.300</b>	<b>11,53%</b>
- Cổ đông lớn	302.700	6,05%
- Cổ đông nhỏ	273.600	5,47%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.000.000</b>	<b>100,00%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: CP quỹ hiện tại là 340.800 CP, trong năm không giao dịch CP quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **1. Chỉ tiêu số lượng và giá trị**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2015	NĂM 2016		TỈ LỆ% SO VỚI	
				KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TH 2015	KH 2016
<b>1</b>	<b>XUẤT BẢN</b>	<b>Đề tài</b>	<b>177</b>	<b>232</b>	<b>175</b>	<b>98,9</b>	<b>75,4</b>
1.1	Sách tái bản (In và IseeBooks)	Đề tài	117	160	143	122,2	89,4
1.2	Sách in mới	Đề tài	18	36	22	122,2	61,1
1.3	SĐT IseeBooks mới	Đề tài	42	36	10	23,8	27,8
<b>2</b>	<b>IN VÀ PHÁT HÀNH</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>18.161.000</b>	<b>19.000.000</b>	<b>17.711.000</b>	<b>97,5</b>	<b>93,2</b>
2.1	SBT.SGK	Bản	11.811.000	12.000.000	10.004.000	84,6	83,3
2.2	STC	Bản	1.354.000	1.600.000	1.605.000	118,5	100,3
2.3	STK, SĐT-IseeBooks, SP khác	Bản	4.996.000	5.400.000	6.102.000	122,1	113,0
2.4	Lịch Giáo dục 2016	Blóc	50.000	50.000	32.500	65,0	65,0
<b>3</b>	<b>CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ</b>						
<b>3.1</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tỉ đồng</b>	<b>131,1</b>	<b>130,0</b>	<b>126,6</b>	<b>96,6</b>	<b>97,4</b>
3.1.1	SBT	Tỉ đồng	61,3	55,0	52,5	85,6	95,5
3.1.2	SMR, STK, STC & Khác	Tỉ đồng	69,8	75,0	74,1	106,2	98,8
<b>3.2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỉ đồng</b>	<b>16,9</b>	<b>17,0</b>	<b>16,9</b>	<b>100,0</b>	<b>99,4</b>
3.3	Thuế thu nhập DN	Tỉ đồng	3,7	-	3,5	94,6	-
3.4	Tỉ suất lợi nhuận/VĐL	%	33,8	34,0	33,8	100,0	99,9
<b>3.5</b>	<b>Tỉ suất lợi nhuận/D.Thu</b>	<b>%</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
<b>4</b>	<b>VỐN TÍCH LŨY</b>	<b>Tỉ đồng</b>	<b>20,0</b>	<b>-</b>	<b>23,2</b>	<b>116,0</b>	<b>-</b>
<b>5</b>	<b>CỔ TỨC</b>	<b>%</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

## 2. Nội dung công việc trọng tâm đã thực hiện

### a. Công tác xuất bản

- Đã chuyển vào sản xuất được 22 tên STK mới (*Thực hành ngữ pháp Tiếng Anh lớp 4 đến lớp 8; Vở luyện tập Tiếng Anh lớp: 4 đến lớp 12; Thực hành kiểm tra định kì Tiếng Anh 4 và 5*) và 10 tên SĐT-IseeBooks mới (*SHS và SBT Tiếng Anh 4,8 và 11*);

Kết quả việc thực hiện nhiệm vụ của các Quản lí xuất bản theo quy định mới Công ty như sau:

STT	Quản lí xuất bản	Sách in mới (đề tài)		SĐT-IseeBooks mới (đề tài)		Tổng cộng (đề tài)	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
QLXB01	QLXB - Toán	09	-	09	-	18	-
QLXB02	QLXB - Sinh học	09	-	09	-	18	-
QLXB03	QLXB - Tiếng Anh	09	08	09	04	18	12
QLXB04	QLXB - Tiếng Nga và Tiếng Anh	09	14	09	06	18	20
<b>Tổng cộng</b>		<b>36</b>	<b>22</b>	<b>36</b>	<b>10</b>	<b>72</b>	<b>32</b>

- Tổ chức xuất bản bộ thẻ SĐT-IseeBooks theo từng khối lớp để phát hành phiên bản SĐT-IseeBooks riêng lẻ, không kèm theo sách giấy;
- Hợp tác tốt với công ty CP DVXBGD Đà Nẵng: giá trị dịch vụ thực hiện trong năm 2016 (tính theo hóa đơn tài chính phát sinh): 1,22 tỉ đồng, so với năm 2015: 106 triệu đồng;



\* *Lưu ý:* Không hoàn thành kế hoạch sách mới năm 2016 (Thiếu 14 tên sách in và 26 tên SĐT-IseeBooks); Đặc biệt là việc chậm trễ SĐT-IseeBooks Tiếng Anh 5-9-12 ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh trong năm 2017; Chưa phát huy được chức năng biên tập của Công ty; Chưa triển khai làm sách hỗ trợ mới môn Toán tiểu học theo chỉ đạo của NXBGD VN;

**b. Công tác in:** Triển khai tốt kế hoạch in 2016: In đầu thầu 5 gói; Ưu tiên in tại các ĐVTV: In SGK Hòa Phát: 210/250 triệu trang, In Quảng Nam: 205/200 triệu trang, In và DV Đà Nẵng: 50/50 triệu trang; Thực hiện đầy đủ hỗ trợ đơn giá tăng 15%: In Quảng Nam: 327 triệu đồng, In Hòa Phát: 268 triệu đồng, In Đà Nẵng: 72 triệu đồng; Hỗ trợ kinh phí nung nóng CBNV: In Hòa Phát: 24,3 triệu đồng, In Quảng Nam: 20,1 triệu đồng; Công tác kiểm tra tiến độ in và nhập kho tốt, đáp ứng tiến độ phát hành; Công tác KCS được 8 lỗi của 6 nhà in (Quảng Nam, Hòa Phát, Xổ số, T.T.Huế, Kon Tum và Gia Lai); Quản lý tốt tem và thẻ IseeBooks; Quyết toán vật tư năm 2015 và 30/9 tại 14/14 Nhà in;

\* *Lưu ý:* Công tác quản lý kho không đảm bảo yêu cầu, để xảy ra tình trạng thiếu SBT và STC nhiều và liên tục; Bị động về giải pháp bố trí kho phải thuê 500 m<sup>2</sup> kho của NXBGD ĐN trong 3 tháng;

**c. Công tác phát hành SBT:** Phát hành được: 10 triệu bản, đạt: 83,3% kế hoạch (do ảnh hưởng của thị trường và bộ sách Học Mĩ thuật của Cty CP SGD Hà Nội); Bình quân: 5,4 bản/học sinh. Trong đó, một số tỉnh có tỉ lệ bình quân thấp như sau: Quảng Ngãi (1,9 bản/ học sinh), Quảng Trị (3,6 bản/ học sinh); Kon Tum (3,8 bản/ học sinh), Bình Định (4,2 bản/ học sinh), Gia Lai (5,2 bản/ học sinh).

Tuy vậy, Công ty đã thực hiện tốt việc hỗ trợ: Công ty CP Sách-TBTH Quảng Ngãi: 60 triệu đồng; Quảng Trị: 75 triệu đồng; Bình Định: 140 triệu đồng;

**d. Công tác phát hành sách Tiếng Anh tự chọn:** Phát hành được: 1,6 triệu bản, đạt 100,3% kế hoạch, tăng so với cùng kì: 251.000 bản; Việc sử dụng thẻ cào IseeBooks Tiếng Anh góp phần hạn chế sách lậu tại miền Trung; Bình quân: 0,9 bản/học sinh; Trong đó, một số tỉnh có tỉ lệ bình quân thấp như sau: Bình Định (0,3 bản/ học sinh), Gia Lai (0,4 bản/ học sinh), Kon Tum (0,6 bản/ học sinh).

**e. Kết quả phát hành STK chi tiết theo từng cán bộ Quản lý phát hành, cụ thể như sau:**

S	Khu vực khách hàng	SĐT - IseeBooks			Sách giấy			Tổng		
		KH 2016	TH 2016	%/KH	KH 2016	TH 2016	%TH	KH 2016	TH 2016	%H/K
1	<b>Khu vực 1:</b> Đà Nẵng, Bến Tre, Kiên Giang, Bình Dương, Tiền Giang (9/18 khách hàng, mới: 1)	315.000	357.000	113 %	400.000	373.000	93%	715.000	730.000	102 %
2	<b>Khu vực 2:</b> Quảng Nam, TP. HCM, Vũng Tàu Trà Vinh, Tây Ninh (6/17 khách hàng, mới: 0)	620.000	786.000	127 %	800.000	603.000	75%	1.420.000	1.389.000	98%
3	<b>Khu vực 3:</b> Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Bình Thuận, Đồng Nai, Phú Yên, Ninh Thuận (15/32 khách hàng, mới: 2)	230.000	463.000	201 %	340.000	313.000	92%	570.000	776.000	136 %

S	Khu vực khách hàng	SĐT - IseeBooks			Sách giấy			Tổng		
		KH 2016	TH 2016	%/KH	KH 2016	TH 2016	%TH	KH 2016	TH 2016	%H/K
4	<b>Khu vực 4:</b> Gia Lai, Kon Tum, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp 5/9 khách hàng, mới: 1)	535.000	701.000	131 %	310.000	315.000	102 %	845.000	1.016.000	120 %
5	<b>Khu vực 5:</b> TT. Huế, Quảng Trị, Hà Nội, Điện Biên, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Giang, Sơn La, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Phú Thọ (11/20 khách hàng, mới: 1)	515.000	696.000	135 %	550.000	583.000	106 %	1.065.000	1.279.000	120 %
6	<b>Khu vực 6:</b> Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Nam Định, Tuyên Quang, Lào Cai, Ninh Bình (7/20 khách hàng, mới: 0)	155.000	283.000	183 %	400.000	402.000	101 %	555.000	685.000	123 %
7	<b>Khu vực 7:</b> Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bắc Giang, Hải Dương, Hòa Bình, Hưng Yên (3/9 khách hàng, mới: 0)	30.000	54.000	180 %	200.000	173.000	87%	230.000	227.000	99%
Tổng cộng (125 khách hàng, mới: 5)		2.400.000	3.340.000	139 %	3.000.000	2.762.000	92%	5.400.000	6.102.000	113 %

#### f. Công tác Marketing:

- Giới thiệu danh mục SBT, STC, sách mở rộng phục vụ năm học 2016 - 2017;
- Làm tốt marketing online đối với SĐT - IseeBooks trên Youtube, Facebook, iseebooks.vn; Cập nhật các câu hỏi thường gặp; Giải đáp 100% ý kiến bạn đọc; Cung cấp các đường links dùng thử;
- Tiếp tục đồng hành các hoạt động của tạp chí Toán tuổi thơ để quảng bá và xây dựng lực lượng tác giả;
- Hoàn thành đăng kí và Chứng nhận nhãn hiệu **IseeBooks<sup>d</sup>** số 11459/QĐ-SHTT ngày 29-2-2016;
- SĐT-IseeBooks rất vinh dự đạt giải thưởng **Sao khuê 2016 của Hiệp hội CNTT Việt Nam**.
- Tổ chức tập huấn giáo viên tiếng Anh tại Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Gia Lai gồm 2.100 giáo viên; Có mời giảng viên người nước ngoài giới thiệu SĐT - IseeBooks; Tổ chức lớp tập huấn giáo viên thể dục tại Đà Nẵng;
- Tổ chức triển lãm, giới thiệu và phát hành sách tại Quảng Ninh, Đà Nẵng (3), Bình Định;
- Tổ chức các đợt giới thiệu và xây dựng thị trường STK tại Hà Nội, TP HCM, Đắk Lắk, CLB các tỉnh miền Tây, Quảng Ninh, Hà Giang, Tuyên Quang, Nghệ An, Thanh Hóa.
- Trực tiếp làm việc với Lãnh đạo các Sở GD và ĐT giới thiệu sách tiếng Anh, Văn hóa giao thông,...

#### g. Kết quả thu hồi công nợ và công tác quản lí tài chính

Stt	Khu vực khách hàng	Năm 2015			Năm 2016		
		Số đã thu (Triệu đồng)	Số còn phải thu (Triệu đồng)	Tỉ lệ %	Số đã thu (Triệu đồng)	Số còn phải thu (Triệu đồng)	Tỉ lệ %
1	<b>14 Đối tác phát hành SBT.SGK</b>	97.751	2.098	97,9	92.540	6.993	93,0
2	<b>Các khách hàng PH SMR-STK</b>	18.945	6.877	73,37	15.792	8.485	65,1
2.1	<i>KV 1</i>	3.994	973	80,4	1.925	275	87,5

2.2	KV 2	2.879	694	80,57	1.480	785	65,3
2.3	KV 3	4.504	1.122	80,06	4.504	1.115	80,1
2.4	KV 4	179	44	80,02	350	71	83,1
2.5	KV 5	3.883	1.591	70,93	4.430	2.048	68,4
2.6	KV 6	2.624	2.083	55,75	2.095	3.347	38,5
2.7	KV 7	878	367	70,53	1.008	844	54,4
<b>Tổng cộng:</b>		<b>116.696</b>	<b>8.975</b>	<b>92,86</b>	<b>108.332</b>	<b>15.478</b>	<b>87,5</b>

#### **h. Kết quả tồn kho đến 31/12/2016**

STT	Mảng sách	ĐVT	Số lượng tồn kho 31/12/2015	Số lượng tồn kho 31/12/2016	+/-
1	SBT.SGK	Bản	613.000	990.000	+377.000
2	SGK.TC	Bản	222.951	353.000	+130.049
3	SBT mở rộng, STK	Bản	725.035	530.000	-195.035
<b>Tổng cộng</b>		<b>Bản</b>	<b>1.560.986</b>	<b>1.873.000</b>	<b>+312.014</b>

**i. Công tác tổ chức lao động và tiền lương:** Tổng số CBNV là 45 người, gồm Ban TGD và 6 Phòng chức năng; NXBGD VN đã có QĐ 338/QĐ-TCNS ngày 15-3-2016 v/v Bổ nhiệm TGD Công ty đến hết nhiệm kỳ; Đã xét và QĐ tiếp nhận chính thức 3 CBNV; Trình xét hết tập sự 2 CBNV; QĐ nâng lương cho 17 CBNV, chuyển ngạch: 01 CBNV; Thực hiện thành công việc chuyển đổi tiền lương theo Nghị định 49 của CP; Đổi mới quy định lương phần mềm áp dụng từ ngày 01/7/2016 góp phần tăng năng suất lao động; NXBGD VN đã bổ nhiệm bổ sung 01 PTGD, KTT mới, TBKS Công ty mới và Cty EFI;

- Hỗ trợ 24 CBNV ứng lương để mua cổ phần đầu tư vào công ty mới với giá trị 720 triệu đồng;
- Tham gia đoàn của NXBGD VN v/v nghiên cứu học tập làm Sách điện tử tại Anh, Pháp và Hy Lạp;
- Tổ chức 2 đoàn đi tham quan học tập tại Phú Quốc gồm: 16 CBNV và 14 khách mời;
- Tổ chức đoàn đi tham quan học tập tại Malaysia - Singapore: 16 CBNV và 15 khách mời;

#### **j. Công tác đầu tư và phát triển cơ sở vật chất:**

- \* Tiếp tục duy trì việc đầu tư vào các hạng mục sau:
  - Đầu tư vào: CTCP Sách-TBTH Bình Định: 2.919.500.000 đ (25,9% VDL); CTCP In và DV Đà Nẵng: 2.530.000.000 đ (20% VDL); CTCP DVXBGD Đà Nẵng: 350.000.000 đ (8,3% VDL); CTCP Sách-TBGD Miền Nam: 1.000.000.000 đ (2% VDL);
  - Cổ phiếu quỹ DAD: Hiện có: 340.800 CP, giá trị: 2.907.360.967 đồng, bình quân: 8.530 đồng/CP;

- Khai thác sử dụng tốt trụ sở 145 Lê Lợi, Đà Nẵng ty từ ngày 28/3/2013;
  - Kho Hòa Cầm: Làm kho sách: 1.800 m<sup>2</sup>; Công ty Kido thuê: 705 m<sup>2</sup> kho và 170 m<sup>2</sup> khuôn viên đến 30/11/2020 (Đã kí HĐ tăng giá thuê 7% trong năm 2016-2017); Công ty Crown Worldwide thuê: 1.320 m<sup>2</sup> đến 15/7/2024 (Đã kí HĐ tăng giá thuê 3% trong năm 2016 - 2017);
  - \* Phát sinh mới:
    - Mua 934.500 cổ phần EFI, giá 9.500đ/CP, tương đương 8.877.750.000 đồng, chiếm 8,59% VDL;
    - Mua cổ phần Công ty mới: 6 tỉ đồng, chiếm 5,55% VDL;
    - Đã thu hồi vốn từ quỹ đầu tư bản thảo 3,4 tỉ đ và khoản ứng trước kinh phí làm sách mới 3 tỉ đồng;
    - Hoàn thành việc chống thấm và bố trí thêm phòng làm việc tại trụ sở 145 Lê Lợi - TP. Đà Nẵng;
  - \* Tổng giá trị đầu và phát triển cơ sở vật chất: 46,7 tỉ đồng.
- k. Kết quả tổ chức các hội nghị:** Hội nghị giới thiệu Cờ và Cúp đơn vị xuất sắc 2015 của Công ty; Tổ chức gặp mặt CBNV đầu năm Bính Thân 2016; Tiếp đoàn Công ty Shosakan Nhật Bản đến làm việc tại Đà Nẵng ngày 24/1/2016 và 21/9/2016; Tiếp ông Penter Dennis - nhà đầu tư Australia, ngày 12/3/2016; Đón tiếp NGUT. Ngô Trần ái đến thăm và làm việc với Công ty ngày 12/3/2016; Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 05/4/2016; Tổ chức Hội thảo quốc tế học Tiếng Anh để vươn tới những kỹ năng của thế kỉ XXI vào ngày 15/6/2016 với NXB Express Publising;...
- l. Công tác xã hội từ thiện:** Tổ chức tặng quà 70 gia đình khó khăn nhân dịp xuân Bính Thân: 21.000.000 đ; ủng hộ quỹ hỗ trợ chung của NXBGDVN: 80.000.000 đ; Tặng Trung tâm trẻ mồ côi TP. Đà Nẵng: 5.000.000đ; Đóng góp “Quỹ em không bỏ học của NXBGDVN”: 120.000.000 đ; Tài trợ kinh phí cuộc thi dạy học theo chủ đề tích hợp dành cho giáo viên Trung học: 60.000.000 đ; Tặng sách các thư viện trường học tại Gia Lai và Quảng Trị: 100.000.000 đ; Tặng sách cho học sinh vùng bị ảnh hưởng sự cố Formosa: 30.000.000 đ; Tặng sách nhân dịp khai giảng năm học mới 2016-2017 tại Quảng Nam: 40.000.000 đ và quận Hải Châu, TP Đà Nẵng: 40.000.000 đ; Tặng sách cho học sinh Việt kiều tại Lào: 7.500.000 đ; Hỗ trợ học sinh nghèo tại TT. Huế và Quảng trị: 120.000.000 đ; Tài trợ chương trình mở cửa nhà trường và thư viện trong dịp hè của sở GD&ĐT Đà Nẵng: 80.000.000 đ và các hỗ trợ khác; Tương đương 702 triệu đ, tăng 2,5 lần so với cùng kì năm 2015.
- 3- Kế hoạch năm 2017 :**

Năm 2017 là năm thứ 2 tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của ĐCSVN: Thật sự là năm bản lề và chạy đua nước rút của ngành Giáo dục và Đào tạo, phải thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện, phải có SGK mới đưa vào sử dụng từ năm học 2018-2019; Do vậy, năm nay Công ty vừa tập trung điều hành nhiệm

vụ kinh tế, chính trị phục vụ năm học mới 2017-2018 vừa khẩn trương triển khai làm sách theo chương trình mới trong bối cảnh xóa bỏ độc quyền SGK và xu thế hội nhập phát triển.

### a. Xuất bản

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2017 (Đề tài)				TỔNG CỘNG
		Q1	Q2	Q3	Q4	
1	Sách tái bản (Sách in và SĐT - IseeBooks)	160	0	0	0	160
2	Sách in mới (kể cả liên kết xuất bản)	20	13	15	12	60
3	SĐT - IseeBooks mới	3	4	5	0	12
4	Tổng cộng	<b>183</b>	<b>17</b>	<b>20</b>	<b>12</b>	<b>232</b>

### b. In và Phát hành

STT	MÃNG SÁCH	ĐVT	KẾ HOẠCH 2017				TỔNG
			Q1	Q2	Q3	Q4	
1	SBT.SGK	Bản	830.000	7.475.000	2.065.000	130.000	10.500.000
2	SGK tự chọn	Bản	70.000	1.005.000	715.000	10.000	1.800.000
3	SMR, STK, SĐT-IseeBooks	Bản	855.000	4.155.000	1.625.000	65.000	6.700.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>Bản</b>	<b>1.755.000</b>	<b>12.635.000</b>	<b>4.405.000</b>	<b>255.000</b>	<b>19.000.000</b>
4	Lịch Giáo dục 2017	Blốc	-	-	-	30.000	30.000
5	Bộ thẻ SĐT - IseeBooks	Bộ	10.000	50.000	35.000	5.000	100.000

\* Chỉ tiêu tồn kho năm 2017 đảm bảo thấp hơn tồn kho năm 2016;

### c. Mở rộng thị trường

STT	Khu vực khách hàng	Số lượng khách hàng	SLPH Sách in (Bản)	SLPH SĐT-IseeBooks (Thẻ)	SLPH Bộ thẻ cao SĐT-IseeBooks (Bộ)	SLPH lịch GD 2017 (Blốc)
<b>KV 1</b>	Đà Nẵng, Bến Tre, Kiên Giang, Bình Dương, Tiền Giang, Long An, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng	19	420.000	395.000	15.000	10.000
<b>KV 2</b>	Quảng Nam, TP. HCM, V.Tàu, Trà Vinh, T. Ninh, Bình Phước, Cà Mau, Bắc Ninh, Hà Nam	18	655.000	870.000	15.000	3.000
<b>KV 3</b>	Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Bình Thuận, Đồng Nai, Phú Yên, Ninh Thuận, Vĩnh Phúc, Yên Bái	33	350.000	514.000	15.000	3.000
<b>KV 4</b>	Gia Lai, Kon Tum, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Kạn	10	345.000	776.000	15.000	3.000
<b>KV 5</b>	TT. Huế, Q.Trị, Hà Nội, Điện Biên, Q.Ninh, Hải Phòng, Hà Giang, Sơn La, Thái Nguyên	21	620.000	770.000	15.000	3.000
<b>KV 6</b>	Q.Bình, H.Tĩnh, Nghệ An, Th.Hóa, N.Định, T.Quang, Lào Cai, Ninh Bình, Thái Bình	20	410.000	315.000	15.000	5.000
<b>KV 7</b>	Đắc Lắc, Đắc Nông, Lâm Đồng, Bắc Giang, Hải Dương, Hòa Bình, Hưng Yên, Lai Châu, Cao Bằng	10	200.000	60.000	10.000	3.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>131</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.700.000</b>	<b>100.000</b>	<b>30.000</b>

### d. Đầu tư cơ sở vật chất và phát triển sản xuất kinh doanh

Giữ ổn định như hiện nay, không triển khai đầu tư mới; Thực hiện các đầu tư

theo chủ trương của NXBGDVN; Không nhượng bán cổ phiếu quỹ để cùng NXBGDVN kiểm soát Công ty;

Thoái vốn tại EFI; Đầu tư phát triển SX-KD mảng thiết bị, bán lẻ để tăng doanh thu;

#### **e. Tổ chức Lao động - Tiền lương - Đào tạo bồi dưỡng**

- Duy trì lao động tối đa 45 CBCNV (Không tăng thêm lao động trong năm 2017); Cơ cấu tổ chức và lao động cho hợp lý hơn để các Phòng ban phát huy tốt nguồn nhân lực hiện có;
- Đề xuất ổn định tổ chức các bộ phận sau : Kho vận; SX-KD TBGD; SX SĐT-IseeBooks;
- Đề xuất bổ sung Lãnh đạo các Phòng; Tổ chức ĐHCĐ nhiệm kỳ 2017-2022; Điều chỉnh điều lệ Công ty;

#### **f. Kế hoạch tài chính**

- Thu hồi công nợ tối thiểu 93%; Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính theo TT 96/2015/TT-BTC;
- Doanh thu: 130 tỉ VNĐ; Lợi nhuận: 17 tỉ VNĐ; Đơn giá tiền lương: 450đ/1.000đ LN ; Cổ tức: 17%.

### **4 - Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Trong năm 2016, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo NXBGDVN, Ban lãnh đạo NXBGD Đà Nẵng; Sự kết hợp và hỗ trợ của các đơn vị thành viên NXBGDVN; Cùng với sự đoàn kết, sáng tạo, phấn đấu của tập thể lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã tiếp tục vượt qua những khó khăn, phát huy tốt các nguồn lực và có được bước đi thích hợp: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị; Giữ vững, tăng trưởng được số lượng phát hành, doanh thu, cổ tức của cổ đông và nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động; Cơ sở vật chất được ổn định và phát huy hiệu quả sử dụng; Uy tín cổ phiếu DAD trên sàn chứng khoán đã được củng cố.

Việc xuất bản và phát hành SĐT-IseeBooks đã vượt qua những bước đi khó khăn ban đầu, có bước đi tiếp phù hợp và vinh dự đạt được Giải thưởng Sao Khuê của Hiệp hội CNTT Việt Nam.

#### **1-Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:**

- Xuất bản: 175 đề tài (Trong đó: 143 sách tái bản, 22 sách in mới và 10 Sách điện tử – Iseebooks mới), đạt 99% so với năm 2015;
- Số lượng sách In và Phát hành: 17,7 triệu bản (Trong đó, SBT: 10,0 triệu bản; STC: 1,6 triệu bản; STK, SĐT-IseeBooks, Lịch bloc,....: 6,1 triệu bản), đạt 97,5% so với năm 2015;
- Chỉ tiêu giá trị: (theo kết quả kiểm toán năm 2016 của Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC)

\* Doanh thu và thu nhập khác : 126.634.871.048 đồng, đạt 96,4% so với

năm 2015.

\* Lợi nhuận trước thuế : 16.972.610.606 đồng, đạt 100% so với năm 2015.

\* Tỷ suất lợi nhuận/VĐL : 33,9 %

\* Tỷ suất lợi nhuận/CP lưu hành ( VĐL trừ CP quỹ) : 36,4 %

\* Tỷ suất LN/DT : 13,4 %

- Thuế thu nhập doanh nghiệp : 3.724.732.118 đồng

- Lợi nhuận cuối năm 2015 còn lại : 15.126.793.467 đồng

- Lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối : 13.247.878.488 đồng

+ Quỹ đầu tư phát triển : 5% Lợi nhuận sau thuế

+ Chia cổ tức : 17% trên VĐL; đạt 100%

so với 2015.

+ Thù lao của HĐQT và BKS : 5% Lợi nhuận sau thuế

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi : 10% Lợi nhuận sau thuế

- Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2017 : 17.804.456.257 đồng

\* Vốn tích lũy: 23,1 tỉ đồng, đạt 116% so với năm 2015;

\* Thu hồi công nợ: 88%; đạt 95% so với năm 2015 (93%);

## 2-Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2017:

a. Xuất bản: 160 sách in và SĐT - IseeBooks tái bản, 60 sách in mới và 12 SĐT - IseeBooks mới;

b. Số lượng In và Phát hành: 19,0 triệu bản (Trong đó: SBT 10,5 triệu bản; STC 1,8 triệu bản; STK, SĐT-IseeBooks, Lịch bloc, sản phẩm khác,... 6,7 triệu bản)

c. Chỉ tiêu giá trị: (đã được CT HĐQT NXBGD VN giao)

\* Doanh thu : 130 tỉ đồng

\* Lợi nhuận trước thuế : 17 tỉ đồng

\* Cổ tức : 18% trên vốn điều lệ

+ Quỹ đầu tư phát triển : 5% Lợi nhuận sau thuế

+ Thù lao HĐQT, BKS : 5% Lợi nhuận sau thuế

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi : 10% Lợi nhuận sau thuế

+ Quỹ khen thưởng của HĐQT Công ty tại đơn vị : 30% phần lợi nhuận tăng trưởng so với phần lợi nhuận 2016 sau khi đã thực hiện nghĩa vụ Nhà nước (nếu có).

d. Tỷ lệ thu hồi công nợ: 93%

e. Đơn giá tiền lương 2017: 450 đ/1.000 đ lợi nhuận.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- 1. Họ và tên : Ông Thừa Phú**
- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 05-10-1971
  - Nơi sinh : Đà Nẵng
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : 498 Trần Cao Vân, Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0903545545
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 0
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 2. Họ và tên : Huỳnh Bá Vân**
- Chức vụ : Ủy viên HĐQT
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 23/10/1953
  - Nơi sinh : Bình Định
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : Số 12 Nguyễn Gia Thiều - Quận Thanh Khê - Tp. Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0903505082
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 6.000 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 3. Họ và tên : Hồ Văn Lĩnh**
- Chức vụ : Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công



ty cổ phần ĐT&PT GD Đà Nẵng

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/08/1971
- Nơi sinh : TP Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 77/11 Thái Phiên, Q.Hải Châu, TP ĐN
- Điện thoại liên lạc : 0236 – 3827374 - 0903503446
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 60.100 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**4. Họ và tên : Nguyễn Quang Dũng**

- Chức vụ : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần ĐT&PT GD Đà Nẵng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/12/1979
- Nơi sinh : Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Tổ 17, Hoà Thọ Đông, Q.Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 0988787827
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 14.800 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**5. Họ và tên : Phạm Thanh Nam**

- Chức vụ : Ủy viên HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/06/1957
- Nơi sinh : Thanh Hoá
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 502 DN2 A2 Nguyễn Khánh Toàn-Cầu Giấy – Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 0913079999
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Số cổ phần nắm giữ : 10.900 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

S T T	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NẮM GIỮ	TỈ LỆ NẮM GIỮ (%)
1	Ông Thừa Phú	CT.HĐQT	0	0
2	Huỳnh Bá Vân	UV.HĐQT	6.000	0,12
3	Hồ Văn Lĩnh	UV.HĐQT - Tổng Giám Đốc	60.100	1,20
4	Nguyễn Quang Dũng	UV.HĐQT - Phó TGĐ	14.800	0,30
5	Phạm Thanh Nam	UV.HĐQT	10.900	0,22
	<b>Tổng cộng</b>	/	<b>91.800</b>	<b>1,84</b>

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	169/CV-DEIDCO	05/04/2016	<b>Điều 1.</b> Thông qua báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, phương án phân chia lợi nhuận năm 2015, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 <b>Điều 2.</b> Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2015

			<p><b>Điều 3.</b> Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2016</p> <p><b>Điều 4.</b> Thống nhất ủy quyền cho HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.</p> <p><b>Điều 5.</b> Thông qua nội dung nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2016.</p>
2	195/CV-DEIDCO	08/04/2016	Bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Dũng, Kế toán trưởng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng, kể từ ngày 12/05/2016. Thời gian giữ chức vụ theo nhiệm kỳ Đại hội cổ đông của đơn vị (2012 – 2016)
3	350/CV-DEIDCO	29/06/2016	Hội đồng quản trị đồng ý bổ nhiệm Bà Lê Ngọc hiện nay là Phó trưởng phòng Kế toán – Tài chính Công ty giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty thay cho Ông Nguyễn Quang Dũng đã được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Công ty.
4	416/CV-DEIDCO	18/07/2016	Góp vốn thành lập mới Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam.  Quyết định cử Ông Nguyễn Quang Dũng – Phó TGD Công ty làm người đại diện phần vốn góp của Cty CP ĐT&PT GD Đà Nẵng tại Cty CP Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam.
5	432/CV-DEIDCO	27/07/2016	Nhận chuyển nhượng 934.500 cổ phần của công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI) từ nhóm cổ đông là Ông Nguyễn Quang Vinh và Ông Nguyễn Đức Dũng.  Quyết định cử Ông Hồ Văn Lĩnh làm đại diện phần vốn góp của Công ty CP ĐT&PT GD Đà Nẵng tại Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục.
6	772/CV-DEIDCO	14/12/2016	Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2016 : mức tạm ứng : 17%, ngày ứng cổ tức : 16/01/2017

## 2. Ban Kiểm soát: Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu CP có biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác
1	Ông Phạm Tiến Dũng	Trưởng ban	30/03/2012	0	0
2	Ông Lê Quang Tiến	Ủy viên	30/03/2012	0	0
3	Ông Hồ Phú Cường	Ủy viên	30/03/2012	0	0

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

**Đơn vị kiểm toán độc lập:** Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC  
Địa chỉ : Lô 78-80 đường 30/4 - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

**Ý kiến kiểm toán độc lập:** Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

## a/ Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>56.874.364.017</b>	<b>62.097.024.910</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.459.384.182</b>	<b>10.152.303.856</b>
1. Tiền	111	5	3.459.384.182	1.652.303.856
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	8.000.000.000	8.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>408.545.000</b>	<b>348.002.273</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7a	408.545.000	408.545.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(60.542.727)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.440.447.608</b>	<b>15.561.784.621</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	14.906.638.064	10.492.240.321
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	2.093.928.073	4.985.885.423
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.148.371.742	695.359.498
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.111.415.836)	(636.742.671)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		402.925.565	25.042.050
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>25.301.416.903</b>	<b>33.165.121.982</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.441.035.009	40.640.035.798
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.139.618.106)	(7.474.913.816)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.264.570.324</b>	<b>2.869.812.178</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a	2.134.917.754	2.119.954.831
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		68.914.440	749.625.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	60.738.130	231.669
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>41.681.728.560</b>	<b>30.840.674.794</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>3.400.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	3.400.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.283.604.464</b>	<b>19.851.096.782</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	11.452.533.253	12.003.025.567
- Nguyên giá	222		16.676.770.394	16.366.076.394
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.224.237.141)	(4.363.050.827)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	7.831.071.211	7.848.071.215
- Nguyên giá	228		7.884.999.000	7.884.999.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.927.789)	(36.927.785)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>7b</b>	<b>21.677.250.000</b>	<b>6.799.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.227.750.000	1.350.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>720.874.096</b>	<b>790.078.012</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	720.874.096	790.078.012
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>98.556.092.577</b>	<b>92.937.699.704</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.307.095.809</b>	<b>17.777.119.651</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.307.095.809</b>	<b>17.777.119.651</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	9.238.857.741	3.842.367.024
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	234.723.431	884.605.322
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	132.535.211	414.946.363
4. Phải trả người lao động	314		946.573.099	919.794.021
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.978.415.574	3.161.455.901
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.720.000	24.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	8.754.332.835	504.180.357
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	5.072.534.965	6.944.501.374
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		924.402.953	1.081.269.289
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>70.248.996.768</b>	<b>75.160.580.053</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>70.248.996.768</b>	<b>75.160.580.053</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	22	(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	5.351.901.478	4.689.507.553
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	17.804.456.257	23.378.433.467
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.126.793.467	13.077.556.480
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.677.662.790	10.300.876.987
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>98.556.092.577</b>	<b>92.937.699.704</b>

## b/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	128.916.454.338	132.937.482.467
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.903.138.912	2.505.133.956
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		126.013.315.426	130.432.348.511
4. Giá vốn hàng bán	11	25	83.886.067.617	95.640.601.274
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>42.127.247.809</b>	<b>34.791.747.237</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	619.573.661	847.445.106
7. Chi phí tài chính	22	27	1.447.734.867	(119.137.412)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		570.834.464	519.137.698
8. Chi phí bán hàng	25	28	12.023.472.818	8.673.676.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	12.294.570.920	10.258.903.719
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.981.042.865</b>	<b>16.825.749.936</b>
11. Thu nhập khác	31		1.981.961	93.811.240
12. Chi phí khác	32	30	10.414.220	110
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(8.432.259)</b>	<b>93.811.130</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>16.972.610.606</b>	<b>16.919.561.066</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.724.732.118	4.043.464.831
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>13.247.878.488</b>	<b>12.876.096.235</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.417	2.278
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	2.417	2.278

## c/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		120.949.035.792	128.688.721.061
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(81.043.143.932)	(109.720.473.658)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.914.538.111)	(5.215.841.247)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	19, 27	(578.501.513)	(521.601.663)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	18	(4.084.769.415)	(3.967.491.083)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.568.835.899	1.555.982.349
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.251.903.980)	(6.991.631.101)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>25.645.014.740</b>	<b>3.827.664.658</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14	(295.985.000)	(211.800.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	7b	(14.877.750.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10, 26	628.406.995	858.674.272
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.545.328.005)</b>	<b>1.646.874.272</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	49.694.435.980	41.631.061.163
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(51.566.402.389)	(44.868.384.733)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20, 22d	(7.920.640.000)	(6.988.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(9.792.606.409)</b>	<b>(10.226.123.570)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>1.307.080.326</b>	<b>(4.751.584.640)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	5, 6	10.152.303.856	14.903.888.496
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	5, 6	<b>11.459.384.182</b>	<b>10.152.303.856</b>



## **d/ Thuyết minh báo cáo tài chính**

### **1. Đặc điểm hoạt động**

#### **1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 28/8/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In và phát hành sách.**

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

#### **1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các Công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng
- Công ty CP Sách TBTH Bình Định

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản trong đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản trong đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuê, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc năm tài chính nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

#### ***Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### ***Dự phòng***

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối năm tài chính đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

##### ***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

##### ***Khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

#### **4.6 Tài sản cố định vô hình**

##### ***Nguyên giá***

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### ***Quyền sử dụng đất***

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### ***Khấu hao***

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Website	5

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Tiền thuê đất đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất (từ 45 đến 50 năm);
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

##### ***Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong niên độ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### **4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

##### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

#### **4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

#### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu của Công ty là hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc năm tài chính mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

#### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

#### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, Chi phí tài chính của Công ty gồm: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

#### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

#### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

#### **4.18 Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%;
  - ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### **4.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

*Đơn vị tính: VND*

#### **5. Tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Tiền mặt	136.978.000	33.177.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.322.406.182	1.619.126.356
<b>Cộng</b>	<b><u><u>3.459.384.182</u></u></b>	<b><u><u>1.652.303.856</u></u></b>

#### **6. Các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	8.000.000.000	8.500.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>8.500.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u><u>8.000.000.000</u></u></b>	<b><u><u>8.500.000.000</u></u></b>

#### **7. Đầu tư tài chính**

##### **a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cty CP Sách TBTH TP. Hồ Chí Minh (STC)	408.545.000	574.500.000	-	408.545.000	348.002.273	60.542.727
<b>Cộng</b>	<b>408.545.000</b>	<b>574.500.000</b>	<b>-</b>	<b>408.545.000</b>	<b>348.002.273</b>	<b>60.542.727</b>

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2016			01/01/2016			
	Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000			5.449.500.000		
- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (i)	20%	2.530.000.000	-	-	2.530.000.000	-	-
- Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB)	25,92%	2.919.500.000	-	3.007.085.000	2.919.500.000	-	1.772.505.000
Đầu tư vào đơn vị khác		16.227.750.000	-	-	1.350.000.000	-	-
- Công ty CP D.vụ Xuất bản GD Đà Nẵng (i)	8,76%	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
- Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMN)	2,27%	1.000.000.000	-	950.000.000	1.000.000.000	-	1.150.000.000
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI) (ii)	8,59%	8.877.750.000	-	-	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị GD VN (i)	5,52%	6.000.000.000	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>21.677.250.000</b>	<b>-</b>		<b>6.799.500.000</b>	<b>-</b>	

- (i) Cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm 31/12/2016. Do đó, Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn này.
- (ii) Cổ phiếu này đã tạm ngừng giao dịch trên thị trường chứng khoán từ 13/07/2016 theo Thông báo số 676/TB-SGDHN ngày 11/07/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Giá cổ phiếu tại ngày tạm ngừng giao dịch là 7.600đ/cổ phiếu, cho đến thời điểm hiện tại, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty, do đó không có cơ sở để trích lập dự phòng tổn thất của khoản đầu tư.



## 8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Sách - Văn hóa Thời Đại	1.951.642.423	382.388.725
Công ty TNHH MTV Sách & TBGD Phước Lộc	1.610.300.805	291.578.126
Công ty CP Sách - Thiết Bị Quảng Ngãi	1.523.776.749	1.953.725
Các đối tượng khác	9.820.918.087	9.816.319.745
<b>Cộng</b>	<b>14.906.638.064</b>	<b>10.492.240.321</b>

### Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	686.742.200	949.624.659
Công ty CP SGD tại TP. Hồ Chí Minh	155.057.792	138.697.472
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	176.432.810	156.930.870
Công ty CP In - Phát hành Sách & TBTH Quảng Trị	86.341.792	482.068.832
Công ty CP Sách & TBTH Bình Định	178.061.675	407.684.619
Công ty CP Sách & TBTH Quảng Ngãi	1.523.776.749	1.953.725
Các đối tượng khác	217.833.321	1.774.856.213
<b>Cộng</b>	<b>3.024.246.339</b>	<b>3.911.816.390</b>

## 9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP In & Dịch vụ Thừa Thiên Huế	356.704.784	-
Công ty CP In - Đầu tư Phát triển Giáo dục Gia Lai	506.799.845	-
Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết & DV In Đà Nẵng - XN In Tổng hợp	408.477.410	-
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	668.438.957	3.508.926.207
Các đối tượng khác	153.507.077	1.476.959.216
<b>Cộng</b>	<b>2.093.928.073</b>	<b>4.985.885.423</b>

### Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	668.438.957	3.508.926.207
<b>Cộng</b>	<b>668.438.957</b>	<b>3.508.926.207</b>

## 10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.089.587.487	-	569.892.319	-
Phải thu khác	58.784.255	-	125.467.179	-
- <i>Lãi dự thu</i>	-	-	8.833.334	-
- <i>Phải thu về tiền Bảo hiểm xã hội</i>	-	-	63.125.145	-
- <i>Phải thu CBCNV</i>	58.784.255	-	53.508.700	-
<b>Cộng</b>	<b>1.148.371.742</b>	<b>-</b>	<b>695.359.498</b>	<b>-</b>

## 11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Trên 3 năm	226.430.523	187.599.998
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	364.318.992	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	384.683.044	409.936.949
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	135.983.277	39.205.724
<b>Cộng</b>	<b>1.111.415.836</b>	<b>636.742.671</b>

## 12. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.017.569.887	-	845.164.056	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.288.624.922	-	16.970.169.552	-
Thành phẩm	16.134.840.200	4.139.618.106	19.503.555.211	7.474.913.816
Hàng hóa	-	-	3.321.146.979	-
<b>Cộng</b>	<b>29.441.035.009</b>	<b>4.139.618.106</b>	<b>40.640.035.798</b>	<b>7.474.913.816</b>

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

### 13. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ cho hàng tồn kho	1.992.669.999	2.116.493.468
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	19.367.755	3.461.363
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	122.880.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.134.917.754</b>	<b>2.119.954.831</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp Hòa Cầm (*)	720.874.096	790.078.012
<b>Cộng</b>	<b>720.874.096</b>	<b>790.078.012</b>

(\*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2027.

### 14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	14.512.702.303	1.470.960.000	382.414.091	16.366.076.394
Đ/tư XDCh h/thành	295.985.000	-	-	295.985.000
Tăng khác trong năm	14.709.000	-	-	14.709.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.823.396.303</b>	<b>1.470.960.000</b>	<b>382.414.091</b>	<b>16.676.770.394</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	2.622.253.344	1.389.200.910	351.596.573	4.363.050.827
Khấu hao trong năm	763.323.742	79.093.295	18.769.277	861.186.314
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.385.577.086</b>	<b>1.468.294.205</b>	<b>370.365.850</b>	<b>5.224.237.141</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	11.890.448.959	81.759.090	30.817.518	12.003.025.567
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.437.819.217</b>	<b>2.665.795</b>	<b>12.048.241</b>	<b>11.452.533.253</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 1.775.215.909 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2016 là:  
4.395.644.436 đồng.

#### 15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.799.999.000	85.000.000	7.884.999.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.799.999.000</b>	<b>85.000.000</b>	<b>7.884.999.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	36.927.785	36.927.785
Khấu hao trong năm	-	17.000.004	17.000.004
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>53.927.789</b>	<b>53.927.789</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	7.799.999.000	48.072.215	7.848.071.215
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.799.999.000</b>	<b>31.072.211</b>	<b>7.831.071.211</b>

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 7.799.999.000 đồng tại 145-147 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng hiện sử dụng làm trụ sở Công ty.
- Không có TSCĐ vô hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2016.

#### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	1.166.716.152	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	998.295.700	919.895.400
Công ty TNHH Giấy Minh Cường Phát	2.853.218.050	327.998.172
Các đối tượng khác	4.220.627.839	2.594.473.452
<b>Cộng</b>	<b>9.238.857.741</b>	<b>3.842.367.024</b>

**Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan**

<b>Nợ phải trả</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	998.295.700	919.895.400
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	811.338.328	-
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	566.834.434	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	668.052.073	873.981.708
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	241.598.250	-
Công ty CP ĐT & Phát triển GD Phương Nam	Công ty nhận đầu tư	449.431.939	79.790.784
Các đối tượng khác		424.883.800	475.314.835
<b>Cộng</b>		<b>4.160.434.524</b>	<b>2.348.982.727</b>

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Công ty TNHH Crown WorldWide	153.648.000	316.800.000
Công ty CP Phát triển Giáo dục Quảng Nam	66.736.090	-
Các đối tượng khác	14.339.341	567.805.322
<b>Cộng</b>	<b>234.723.431</b>	<b>884.605.322</b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>		<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số thực nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>	
	<b>Phải thu</b>	<b>Phải nộp</b>			<b>Phải thu</b>	<b>Phải nộp</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	-	714.025.709	33.314.471	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	299.299.167	3.724.732.118	4.084.769.415	60.738.130	-
Thuế thu nhập cá nhân: CBCNV	231.669	-	65.930.703	28.527.149	-	37.171.885
Thuế thu nhập cá nhân: vãng lai	-	115.647.196	601.160.871	621.444.741	-	95.363.326
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>231.669</b>	<b>414.946.363</b>	<b>5.108.849.401</b>	<b>4.771.055.776</b>	<b>60.738.130</b>	<b>132.535.211</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

## 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Lãi vay phải trả	-	7.667.049
Phí tổ chức bản thảo, phí bản quyền	2.957.305.776	3.145.062.670
Trích trước chi phí tư vấn thiết kế	18.500.000	-
Chi phí phải trả khác	2.609.798	8.726.182
<b>Cộng</b>	<b>2.978.415.574</b>	<b>3.161.455.901</b>

## 20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản thừa chờ giải quyết	88.549.631	35.497.150
Chi phí môi giới xúc tiến giới thiệu sách	663.791.264	260.097.980
Kinh phí công đoàn	25.706.430	-
Bảo hiểm xã hội	52.305.961	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.920.960.000	320.000
Phải trả về Bảo hiểm để lại 2% theo chế độ	-	115.431.106
Phải trả khác	3.019.549	92.834.121
<b>Cộng</b>	<b>8.754.332.835</b>	<b>504.180.357</b>

## 21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	6.944.501.374	49.694.435.980	51.566.402.389	5.072.534.965
<b>Cộng</b>	<b>6.944.501.374</b>	<b>49.694.435.980</b>	<b>51.566.402.389</b>	<b>5.072.534.965</b>

## 22. Vốn chủ sở hữu

### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(2.907.360.967)</b>	<b>4.045.702.741</b>	<b>13.077.556.480</b>
Tăng trong năm	-	-	643.804.812	12.876.096.235
Giảm trong năm	-	-	-	2.575.219.248
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(2.907.360.967)</b>	<b>4.689.507.553</b>	<b>23.378.433.467</b>
			-	
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(2.907.360.967)</b>	<b>4.689.507.553</b>	<b>23.378.433.467</b>
Tăng trong năm	-	-	662.393.925	13.247.878.488
Giảm trong năm	-	-	-	18.821.855.698
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(2.907.360.967)</b>	<b>5.351.901.478</b>	<b>17.804.456.257</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của Cty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	340.800	340.800
- Cổ phiếu phổ thông	340.800	340.800
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu phổ thông	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	23.378.433.467	13.077.556.480
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	13.247.878.488	12.876.096.235
Phân phối lợi nhuận	18.821.855.698	2.575.219.248
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	8.251.640.000	-
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	331.000.000	-
- Chia cổ tức cho các cổ đông (17%)	7.920.640.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (*)	10.570.215.698	2.575.219.248
- Trích quỹ đầu tư phát triển	662.393.925	643.804.812
- Chia cổ tức cho các cổ đông (17%)	7.920.640.000	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	1.324.787.849	1.287.609.624
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (5%)	662.393.924	643.804.812
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>17.804.456.257</b>	<b>23.378.433.467</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 169/CV-DEIDCO ngày 05/04/2016.

#### e. Cổ tức

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 05/04/2016 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ 17%/ vốn điều lệ (tương ứng 7.920.640.000 đồng). Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông vào ngày 05/01/2016 và chi trả cổ tức cho cổ đông từ ngày 25/01/2016.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 772/CV- DEIDCO ngày 14/12/2016 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt cho các cổ đông với tỷ lệ 17%/vốn điều lệ, tương đương: 7.920.640.000 đồng. Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông vào ngày 30/12/2016 và chi trả cổ tức cho cổ đông từ ngày 16/01/2017.

#### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng doanh thu	128.916.454.338	132.937.482.467
+ Doanh thu bán sách giáo khoa	92.205.205.575	93.647.736.676
+ Doanh thu bán sách tham khảo	21.400.334.767	25.836.448.460
+ Doanh thu khác	15.310.913.996	13.453.297.331
<b>Cộng</b>	<b>128.916.454.338</b>	<b>132.937.482.467</b>

#### 24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	2.903.138.912	2.505.133.956
<b>Cộng</b>	<b>2.903.138.912</b>	<b>2.505.133.956</b>



## 25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn sách giáo khoa	60.221.394.953	67.403.347.109
Giá vốn sách tham khảo	13.046.818.533	15.172.741.522
Giá vốn hoạt động khác	13.953.149.841	11.964.510.223
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.335.295.710)	1.100.002.420
<b>Cộng</b>	<b>83.886.067.617</b>	<b>95.640.601.274</b>

## 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi	33.098.661	296.471.106
Cổ tức, lợi nhuận được chia	586.475.000	550.974.000
<b>Cộng</b>	<b>619.573.661</b>	<b>847.445.106</b>

## 27. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	570.834.464	519.137.698
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	937.443.130	727.304.890
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(60.542.727)	(1.365.580.000)
<b>Cộng</b>	<b>1.447.734.867</b>	<b>(119.137.412)</b>

## 28. Chi phí bán hàng

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	1.496.638.322	1.670.908.346
Chi phí nhân viên bán hàng	3.805.968.989	2.960.923.186
Chi phí hoa hồng môi giới	2.007.477.012	1.653.932.898
Các khoản khác	4.713.388.495	2.387.911.670
- Chi phí khấu hao	320.430.870	405.916.286
- Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	1.220.814.677	976.694.269
- Chi phí tuyên truyền quảng cáo	2.353.665.875	258.597.623
- Chi phí thuê kho Hòa Cầm	154.886.916	154.886.916
- Chi phí khác	663.590.157	591.816.576
<b>Cộng</b>	<b>12.023.472.818</b>	<b>8.673.676.100</b>

## 29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	2.931.883.768	2.483.571.152
Chi phí nhân viên quản lý	4.995.447.079	2.960.923.187
Các khoản khác	4.367.240.073	4.814.409.380
- Chi phí khấu hao	557.755.448	616.910.266
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	474.673.165	341.933.504
- Chi phí đào tạo, học tập, trao đổi kinh nghiệm	669.239.850	451.257.172
- Chi phí khác	2.665.571.610	3.404.308.438
<b>Cộng</b>	<b>12.294.570.920</b>	<b>10.258.903.719</b>

## 30. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Xử lý chênh lệch công nợ	10.414.220	110
<b>Cộng</b>	<b>10.414.220</b>	<b>110</b>

## 31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.972.610.606	16.919.561.066
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.651.049.982	1.315.390.083
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	2.237.524.982	1.866.364.083
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	586.475.000	550.974.000
Tổng thu nhập chịu thuế	18.623.660.588	18.234.951.149
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.724.732.118</b>	<b>4.043.464.831</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.724.732.118	4.011.689.253
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	31.775.578

### 32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.247.878.488	12.876.096.235
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.987.181.773)	(2.262.414.436)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích Quỹ KTPL, Quỹ KT BĐH)	1.987.181.773	2.262.414.436
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.260.696.715	10.613.681.799
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.417</b>	<b>2.278</b>

### 33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.878.176.234	51.933.350.769
Chi phí nhân công	8.801.416.068	6.382.666.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	878.186.318	1.022.826.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.883.475.023	33.281.573.946
Chi phí khác bằng tiền	8.517.700.953	7.773.375.799
<b>Cộng</b>	<b>90.958.954.596</b>	<b>100.393.793.357</b>

### 34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là in và phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 35. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro

thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, giá nguyên vật liệu, chi phí công in và giá cổ phiếu.

#### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

#### *Quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu và chi phí công in*

Chi phí nguyên vật liệu (chủ yếu là giấy cuộn, giấy bìa) và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Do đó, việc thay đổi giá của nguyên vật liệu cũng như dịch vụ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến giá thành của thành phẩm. Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu và chi phí công in trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức cao. Nhằm đảm bảo ổn định giá thành thành phẩm, bộ phận quản lý sản xuất của Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động của giá cả nguyên vật liệu cũng như chi phí công in và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu cũng như phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

#### *Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

#### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh do một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm số dư tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng riêng biệt cho từng loại khách hàng. Đối với kinh doanh sách hỗ trợ thi địa bàn và các chính sách bán hàng được thực hiện theo Quyết định của Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Theo đó, khách hàng đối với mặt hàng này được phân làm 2 loại: đối tác chiến lược (11 Công ty hoạt động trên 8 tỉnh Miền Trung và Tây nguyên) và đối tác phát hành (2 Công ty).

Đối với kinh doanh sách tham khảo và các mặt hàng khác, việc kinh doanh được thực hiện theo chính sách bán hàng của Công ty. Theo đó, mỗi khách hàng mới phải được thẩm định kỹ về khả năng phát hành cũng như tài chính để Công ty có phương thức bán hàng riêng cho từng loại khách hàng. Hiện nay, khách hàng của Công ty được chia làm 4 loại: kim cương, vàng, bạc, đồng và mỗi loại khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập hạn mức công nợ và mức chiết khấu cụ thể.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

### *Số dư tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn (Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Đà Nẵng; Ngân hàng Công thương Thành phố Đà Nẵng và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thành phố Đà Nẵng)... Rủi ro tín dụng đối với các số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với số dư tiền gửi ngân hàng là giá trị ghi sổ như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 và số 6. Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

### *Các công cụ tài chính khác*

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu được coi là quá hạn và đã được trích lập dự phòng vào ngày 31/12/2016.

### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đến hạn lệch nhau.

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	9.238.857.741	-	9.238.857.741
Chi phí phải trả	2.978.415.574	-	2.978.415.574
Vay và nợ thuê tài chính	5.072.534.965	-	5.072.534.965
Phải trả khác	8.587.770.813	-	8.587.770.813
<b>Cộng</b>	<b>25.877.579.093</b>	<b>-</b>	<b>25.877.579.093</b>
<b>01/01/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	3.842.367.024	-	3.842.367.024
Chi phí phải trả	3.161.455.901	-	3.161.455.901
Vay và nợ thuê tài chính	6.944.501.374	-	6.944.501.374
Phải trả khác	468.683.207	-	468.683.207
<b>Cộng</b>	<b>14.417.007.506</b>	<b>-</b>	<b>14.417.007.506</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>31/12/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.459.384.182	-	11.459.384.182
Đầu tư tài chính	408.545.000	16.227.750.000	16.636.295.000
- <i>Vốn niêm yết</i>	408.545.000	9.877.750.000	10.286.295.000
- <i>Vốn chưa niêm yết</i>	-	6.350.000.000	6.350.000.000
Phải thu khách hàng	13.795.222.228	-	13.795.222.228
Phải thu khác	58.784.255	-	58.784.255
<b>Cộng</b>	<b>25.721.935.665</b>	<b>16.227.750.000</b>	<b>41.949.685.665</b>
<b>01/01/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.152.303.856	-	10.152.303.856
Đầu tư tài chính	348.002.273	1.350.000.000	1.698.002.273
- <i>Vốn niêm yết</i>	348.002.273	1.000.000.000	1.348.002.273
- <i>Vốn chưa niêm yết</i>	-	350.000.000	350.000.000
Phải thu khách hàng	9.855.497.650	-	9.855.497.650
Phải thu khác	125.467.179	3.400.000.000	3.525.467.179
<b>Cộng</b>	<b>20.481.270.958</b>	<b>4.750.000.000</b>	<b>25.231.270.958</b>

### 36. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

<b>Mua hàng</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Công ty Cổ phần học liệu	Chung công ty đầu tư	1.778.960.000	1.810.760.000
Công ty CP ĐT & PT GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.803.041.380	6.803.770.784
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD tại Đà Nẵng	Công ty nhận đầu tư	2.176.761.660	106.408.040
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	2.694.070.365	3.257.306.258
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	12.238.996.583	10.615.187.345
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	3.920.258.165	4.362.513.439
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.047.402.880	433.203.120

Bán hàng	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư	5.035.978.310	6.547.682.558
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Công ty nhận đầu tư	7.573.710.050	12.271.978.759
Công ty CP Sách - TBTH Kon Tum	Chung công ty đầu tư	3.759.854.047	3.601.293.459
Công ty CP Sách - TBTH Quảng Ngãi	Chung công ty đầu tư	5.887.387.804	4.699.031.544
Công ty CP Sách - TBTH Quảng Trị	Chung công ty đầu tư	3.612.082.900	2.464.933.488
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	1.134.928.160	2.295.258.905
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.594.934.000	2.072.180.000
Công ty CP Sách - TBTH Thừa Thiên Huế	Chung công ty đầu tư	6.407.214.033	5.711.316.944

**b. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm 2016	Năm 2015
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.425.434.539	827.240.220
Thù lao Hội đồng quản trị	1.125.666.096	352.000.000

**37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**38. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



TỔNG GIÁM ĐỐC *h*

HỒ VĂN LINH